

QUY ĐỊNH

**Mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng
và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh Quy định này: Quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, bao gồm: Đầu tư xây dựng mới công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, công, kiên cố kênh mương đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng áp dụng: Cơ quan quản lý nhà nước; các tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được miễn tiền thuê đất khi nhà nước cho thuê đất xây dựng công trình.

b) Tổ chức thủy lợi cơ sở đầu tư xây dựng công trình tích trữ nước được hỗ trợ 100% chi phí thiết kế và chi phí máy thi công.

2. Điều kiện hỗ trợ:

a) Phù hợp với quy hoạch chung xây dựng xã.

b) Đối với chính sách quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, công trình tích trữ nước đảm bảo cấp nước, tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp cho tối thiểu 03 thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; được tất cả các thành viên hưởng lợi đồng thuận đóng góp phần kinh phí còn lại; tổ chức thủy lợi cơ sở tự quản lý, khai thác công trình sau đầu tư.

Điều 3. Mức hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

1. Nội dung chính sách hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ

không quá 40 triệu đồng/ha.

b) Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ không quá 10 triệu đồng/ha.

2. Điều kiện hỗ trợ:

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua tổ chức thủy lợi cơ sở.

b) Đối với tổ chức thủy lợi cơ sở: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất.

c) Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, có giá trị kinh tế cao, có lợi thế, phù hợp với nhu cầu thị trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng vùng trên địa bàn tỉnh.

Điều 4. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cống và kiên cố kênh mương

1. Hỗ trợ tối đa 70%, riêng vùng trung du, miền núi hỗ trợ tối đa 90% tổng giá trị đầu tư xây dựng công trình.

2. Chính sách quy định tại Khoản 1 Điều này không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

Điều 5. Mức hỗ trợ đầu tư xây dựng trạm bơm điện

Hỗ trợ 30% giá trị mua máy móc, thiết bị đầu tư xây dựng.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

1. Nguồn vốn thực hiện

a) Ngân sách trung ương hỗ trợ địa phương thực hiện chính sách thông qua chương trình, dự án trực tiếp hoặc lồng ghép trong các chương trình, dự án có liên quan.

b) Ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương.

2. Cơ chế hỗ trợ

a) Ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ sau đầu tư như sau: Khi khối lượng công việc đạt 60%, được giải ngân 50%. Khi khối lượng công việc đạt 100%, được giải ngân 100%.

b) Trường hợp cùng thời gian, nội dung có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau (kể cả từ các chương trình, dự án khác), tổ chức, cá nhân được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ có lợi nhất.

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra thực hiện ở các địa phương và đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí theo chính sách hỗ trợ của Quy định này.

b) Ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với đặc thù vùng, miền trong tỉnh.

c) Theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện chính sách theo Quy định vào trước ngày 31 tháng 3 hàng năm.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất đề xuất nguồn vốn, kế hoạch vốn hỗ trợ hàng năm, phân bổ nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương hỗ trợ cho tỉnh (nếu có) để thực hiện Quy định này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp kế hoạch nhu cầu kinh phí hỗ trợ xây dựng công trình tích trữ nước, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước hàng năm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục công trình tích trữ nước, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước và hỗ trợ vốn.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan liên quan thực hiện hỗ trợ theo các trình tự, thủ tục hồ sơ và mẫu biểu thanh quyết toán đúng theo quy định.

b) Xử lý các vấn đề về mặt tài chính phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quy định này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

a) Định kỳ hàng năm, xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Bố trí kế hoạch cơ cấu nguồn vốn được Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua.

c) Bố trí vốn hỗ trợ cho các xã, phường, thị trấn để thực hiện chính sách xây dựng công trình tích trữ nước, tưới tiên tiến, tiết kiệm nước được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao kế hoạch.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Tổ chức thủy lợi cơ sở, cá nhân đầu tư xây dựng) tổ chức thực hiện chặt chẽ, đúng quy định về công tác đầu tư xây dựng, về huy động, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân để thực hiện xây dựng công trình tích trữ nước, hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ở địa phương.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn

a) Định kỳ hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn báo cáo về Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về nhu cầu kế hoạch vốn, tình hình hỗ trợ theo chính sách của Quy định này do địa phương mình quản lý và thực hiện báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn có trách nhiệm thanh toán giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình theo kế hoạch dự toán được phân bổ từ huyện;

c) Trực tiếp kiểm tra, giám sát đầu tư, khai thác công trình tích trữ nước, tưới tiên tiến, tiết kiệm và sử dụng kinh phí hỗ trợ của ngân sách; báo cáo đánh giá tình hình thực hiện theo chính sách của Quy định này trên địa bàn mình quản lý.

Điều 8. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các Sở, Ngành, địa phương, các tổ chức cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung chính sách đã ban hành để đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Châu